

Số: 01/NQ-ĐH

Hà Nội, ngày 27 tháng 4 năm 2017

**NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG
CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017 CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 10**

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty cổ phần Sông Đà 10 diễn ra từ 8h -:- 11h 30 phút, ngày 27 tháng 4 năm 2017 tại Hội trường Công ty CP Sông Đà 10 ở tầng 10 tòa nhà Tổng công ty Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Có 160 cổ đông tham dự trực tiếp và thông qua đại diện được uỷ quyền, sở hữu 30.360.430 cổ phần, tương ứng 71% vốn điều lệ Công ty.

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CTCP SÔNG ĐÀ 10
QUYẾT NGHỊ:**

Điều 1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2016, kế hoạch năm 2017. Trong đó bao gồm:

1) Kết quả SXKD năm 2016:

- a) Tổng giá trị SXKD: 1.533.232/1.225.000 triệu đồng, đạt 125% KH năm.
- b) Doanh số: 1.509.739/1.295.000 triệu đồng, đạt 117% KH năm.
- c) Doanh thu: 1.373.755/1.177.300 triệu đồng, đạt 117% KH năm.
- d) Nộp nhà nước: 72.882/101.900 triệu đồng, đạt 72% KH năm.
- e) Lợi nhuận trước thuế: 101.188/98.064 triệu đồng, đạt 103% KH năm.
- f) Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ doanh thu: 7,37%/8,33%, đạt 88,42% KH năm.
- g) Thu nhập bình quân CBCNV: 10,71/9,83 triệu đồng/người/tháng, đạt 109% KH năm.
- h) Vốn chủ sở hữu: 822.270/792.200 triệu đồng, đạt 104% KH năm.
- i) Kết quả thực hiện đầu tư: 69.813 triệu đồng, đạt 46,33% KH năm (trong đó: đầu tư thiết bị: 61,806 tỷ đồng; góp vốn vào dự án La Sơn – Túy Loan: 8,008 tỷ đồng).
- j) Mục tiêu tiến độ các công trình: Đáp ứng tiến độ thi công tại các công trình theo yêu cầu của các chủ đầu tư.

2) Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017:

- a) Tổng giá trị SXKD: 1.330.000 triệu đồng.
- b) Doanh số: 1.440.000 triệu đồng.
- c) Doanh thu của: 1.310.000 triệu đồng.
- d) Nộp Nhà nước: 113.560 triệu đồng.
- e) Lợi nhuận trước thuế: 81.300 triệu đồng.
- f) Lợi nhuận sau thuế: 64.976 triệu đồng.
- g) Hiệu quả sử dụng vốn:

- Lợi nhuận cận biên: 6,2%.
- Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ: 15,2%.
- Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH: 7,8%.

h) Thu nhập bình quân CBCNV: 10,5 triệu đồng/người/tháng.

i) Vốn chủ sở hữu: 831,196 tỷ đồng.

j) Vốn điều lệ: 427,324 tỷ đồng.

k) Tỷ lệ chia cổ tức (dự kiến): 12%.

l) Đầu tư: 213.311 triệu đồng:

- Đầu tư nâng cao năng lực máy móc thiết bị: 169.137 triệu đồng
- Đầu tư góp vốn vào dự án La Sơn – Túy Loan: 44.174 triệu đồng.

m) Mục tiêu tiến độ các công trình: Đáp ứng tiến độ thi công tại các công trình theo yêu cầu của các chủ đầu tư.

Điều 2: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2016 được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC.

Điều 3. Thông qua báo cáo kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 và kế hoạch hoạt động năm 2017 của Ban kiểm soát.

Điều 4. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận thực hiện trước thuế năm 2016	101.187.877.284
2	Lợi nhuận tính thuế TNDN	93.182.574.556
3	Thuế TNDN phải nộp	19.488.982.960
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN phân phối (=1-3)	81.698.894.324
4.1	Thù lao của Ban kiểm soát không trực tiếp tham gia điều hành SXKD tại đơn vị	56.000.000
4.2	Quỹ dự phòng tài chính (5% LNST)	4.084.944.716
4.3	Quỹ đầu tư phát triển (21,55% LNST)	17.609.286.976
4.4	Quỹ khen thưởng phúc lợi	8.669.889.432
	+ Số trích (10%LNST)	8.169.889.432
	+ Quỹ thưởng BQL, BDH	500.000.000
4.5	Chia cổ tức	51.278.773.200
	- Vốn điều lệ	427.323.110.000
	- Tỷ lệ cổ tức	12%

Điều 5. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về chi trả tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2016 và Kế hoạch tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2017:

1) Tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2016:

Việc chi trả tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, cụ thể như sau:

a) Tiền lương, thù lao được phép chi: 1.656.000.000 đồng. Trong đó:

- Lương Chủ tịch HĐQT: 50 triệu đồng/tháng.
- Lương Phó Chủ tịch HĐQT: 40 triệu đồng/tháng.
- Lương Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: 30 triệu đồng/tháng (8 tháng).
- Thù lao Thành viên HĐQT: 6 triệu đồng/tháng.
- Thù lao Trưởng Ban kiểm soát không chuyên trách: 6 triệu đồng/tháng.
- Thù lao Thành viên Ban kiểm soát: 4 triệu đồng/tháng.

b) Số đã chi: 800.000.000 đồng.

c) Số chưa chi: 856.000.000 đồng.

2) Kế hoạch tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2017:

a) Kế hoạch lương, thù lao:

TT	Chức danh	Mức lương, thù lao	
		Lương (đồng/tháng)	Thù lao (đồng/tháng)
1	Chủ tịch HĐQT	40.000.000	
2	Phó chủ tịch HĐQT	35.000.000	
3	Thành viên HĐQT		6.000.000
4	Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách	21.000.000	
5	Thành viên BKS		4.000.000

b) Quyết toán lương, thù lao:

- Nếu Công ty hoàn thành kế hoạch SXKD, lợi nhuận trước thuế thực hiện bằng lợi nhuận kế hoạch: tiền lương thực hiện bằng kế hoạch.
- Nếu Công ty hoàn thành kế hoạch SXKD, lợi nhuận trước thuế thực hiện vượt kế hoạch: cứ 1% lợi nhuận vượt kế hoạch, tiền lương thực hiện tính thêm 2%, nhưng không quá 20% so với kế hoạch.
- Nếu Công ty có lợi nhuận trước thuế thực hiện thấp hơn kế hoạch: tiền lương thực hiện giảm trừ tương ứng với % giảm lợi nhuận.
- Thù lao: được xác định theo kế hoạch thù lao nêu trên nhưng tối đa bằng 20% mức tiền lương thực hiện của người quản lý chuyên trách.

c) Tạm ứng tiền lương, thù lao:

Chủ tịch HĐQT: 35.000.000 đồng/tháng; Phó Chủ tịch HĐQT: 30.000.000 đồng/tháng; Trưởng ban kiểm soát chuyên trách: 18.000.000 đồng/tháng; Tiền thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được tạm ứng hằng quý bằng 90% mức kế hoạch quý. Tiền lương, thù lao được quyết toán khi kết thúc năm tài chính, sau khi có báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

d) Thời gian áp dụng: từ 01/01/2017.

Điều 6. Thông qua lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017.

- Đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC.
- Nội dung công việc chính: soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017.
- Phí kiểm toán: 200.000.000 đồng, chưa bao gồm thuế GTGT.

- Thời gian cung cấp báo cáo sau kiểm toán: trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến cuối cùng của Công ty về dự thảo báo cáo kiểm toán.

- Địa điểm thực hiện: tại đơn vị.

Điều 7. Thông qua ủy quyền cho HĐQT chấp thuận hợp đồng, giao dịch:

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch về việc giao, nhận thầu xây lắp cần có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Việc chấp thuận, ký kết các hợp đồng, giao dịch nói trên phải đảm bảo hiệu quả kinh tế cho đơn vị. Thời hạn ủy quyền: từ ngày ban hành Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 đến ngày ban hành Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên tiếp theo.

Điều 8. Thông qua Sửa đổi Điều lệ Công ty:

Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cho phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và tình hình thực tế.

(Có danh mục chi tiết kèm theo)

Điều 9. Bầu thay thế 01 Kiểm soát viên nhiệm kỳ III, kết quả như sau:

Ông Phạm Hoàng Thái trúng cử làm thành viên Ban kiểm soát từ ngày 27/4/2017.

Thời hạn: thời gian còn lại của nhiệm kỳ III.

Điều 10. Điều khoản thi hành

Các ông/bà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc Công ty theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung trên theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty./.

Nơi nhận:

- Như Điều 10;
- Website Công ty;
- UBCK Nhà nước, Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Lưu TCNS.

**T/M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA - CHỦ TỊCH HĐQT**



Trần Ngọc Lan

DANH MỤC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10
(Kèm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của CTCP Sông Đà 10)

TT	ĐIỀU	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH 2016	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ	LÝ DO
1	Điều 2, khoản 2	Biểu trưng (logo): 	Bổ mục này	- Hợp đồng sử dụng nhãn hiệu của TCT Sông Đà đã hết hiệu lực. - TCT Sông Đà thông báo chuyển đổi nhãn hiệu.
2	Điều 2, khoản 4	Email: songda10@songda10.com.vn	Email: songda10@songda10.com.vn hoặc songda10vp@gmail.com	Bổ sung
3	Điều 2	Thêm khoản 7 Điều 2	7. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 85 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 87 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.	Bổ sung thời hạn hoạt động theo Luật Doanh nghiệp
4	Điều 8, khoản 3	3. Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông.	3. Toàn bộ cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 23, Điều 24 Điều lệ này.	Theo Luật DN 2014
5	Điều 23, khoản 2, điểm c	Điều 23. Quyền của cổ đông c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;	Điều 23. Quyền của cổ đông c) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 và khoản 1 Điều 126 của Luật Doanh nghiệp;	Theo Luật DN 2014
6	Điều 23, khoản 2, điểm h	Điều 23. Quyền của cổ đông h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp cổ đông biểu quyết phân đổi quyết định về việc định về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó phải nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần	Điều 23. Quyền của cổ đông h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp cổ đông biểu quyết phân đổi quyết định về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần	Theo Luật DN 2014

	cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này (quy định tại khoản 1 Điều 90 của Luật Doanh nghiệp);	từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này (quy định tại khoản 1 Điều 129 của Luật Doanh nghiệp);	
7	Điều 23, khoản 3,	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có các quyền sau đây: a) Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các khoản 2 Điều 40 và khoản 2 Điều 61 Điều lệ này; Thêm khoản 4, 5, 6 vào Điều 23	Theo khoản 2 điều 114 Luật DN
8	Điều 23, khoản 3, điểm a	a) Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;	Theo khoản 2 điều 114 Luật DN
9	Điều 23,	Điều 23. Quyền của cổ đông 4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây; a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; b) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế; c) Trường hợp khác theo quy định của Điều lệ công ty. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm	Theo điều 114 Luật DN

		<i>của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.</i> <i>5. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định, tại điểm a khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:</i> <i>a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</i> <i>b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quy định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quy định của Đại hội đồng cổ đông, thì ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</i> <i>6. Các quy định khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</i>		
10	Điều 28, khoản 1	Điều 28. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông 1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất (30) ba mươi ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.	Điều 28. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông 1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong không sớm hơn (15) mười lăm ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.	Theo khoản 1 điều 137 Luật DN 2014
11	Điều 31, khoản 2, điểm a	Điều 31. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông: a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia	Điều 31. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông: a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia	Theo điều 139 Luật DN 2014

		a) Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng ba mươi ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;	và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập <i>không sớm hơn 15 ngày</i> trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;	
12	Điều 35, khoản 2	Điều 35. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;	Điều 35. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. <i>Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Điều lệ này.</i>	Theo khoản 2 điều 145 Luật DN 2014
13	Điều 39, khoản 5	Điều 39. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT 5. Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc là người không sở hữu cổ phần hoặc sở hữu cổ phần không đảm bảo mức tối thiểu, nhưng người đó có đủ điều kiện về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh mà Công ty yêu cầu.	Điều 39. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT 5. Là cổ đông cá nhân hoặc là đại diện của nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông hoặc là người không sở hữu cổ phần hoặc sở hữu cổ phần không đảm bảo mức tối thiểu, nhưng người đó có đủ điều kiện về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh mà Công ty yêu cầu.	Theo khoản 2 điều 114 Luật DN 2014
14	Điều 40, khoản 2	Điều 40. Cơ cấu và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT: 2. Các cổ đông nắm giữ tối thiểu 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền góp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng	Điều 40. Cơ cấu và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT: 2. Các cổ đông nắm giữ tối thiểu 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo khoản 3 Điều 23 và phải tuân thủ theo khoản 5 Điều 23 điều lệ này.	Theo khoản 2 điều 114 Luật DN 2014

15	Điều 41, khoản 3, điểm h	quản trị theo khoản 3 Điều 23 và phải tuân thủ theo khoản 4 Điều 23 điều lệ này. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng để đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên. Điều 41. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị h) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 37 của Điều lệ này; Được quyền chủ động huy động vốn phục vụ sản xuất kinh doanh trong phạm vi hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Công ty không vượt quá 3 lần.	Theo điểm g, h, khoản 2 điều 149 Luật DN 2014
16	Điều 60, khoản 1, điểm b	Điều 60. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên b) Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Điều 61. Kiểm soát viên: 2. Cổ đông nắm giữ tối thiểu 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát theo khoản 3 Điều 23 và phải tuân thủ theo khoản 4 Điều 23 điều lệ này. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến	Theo khoản 2 điều 114 Luật DN 2014
17	Điều 61, khoản 2	Điều 60. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên b) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Điều 61. Kiểm soát viên 2. Cổ đông nắm giữ tối thiểu 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát theo khoản 3 Điều 23 và phải tuân thủ theo khoản 5 Điều 23 điều lệ này.	Theo khoản 2 điều 114 Luật DN 2014

18	Điều 62	dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên. Điều 62. Ban kiểm soát: Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát phải có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này; chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây: 1. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước cổ đông của Công ty về các hoạt động giám sát của mình, Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hành động của thành viên Hội đồng quản trị, hoạt động của thành viên Ban giám đốc, các cán bộ quản lý của Công ty, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và cổ đông, và các nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty nhằm bảo vệ quyền hợp pháp của Công ty và cổ đông. 2. Ban kiểm soát họp ít nhất hai lần trong năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba số Kiểm soát viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng, Thư ký và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ như những tài liệu quan trọng của Công ty nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên đối với các Nghị quyết của Ban kiểm soát. 3. Trong các cuộc họp Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ và thành viên kiểm toán độc lập tham gia và trả lời các vấn đề mà Ban kiểm soát quan tâm. 4. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản	Điều 62. Ban kiểm soát: Ban kiểm soát Công ty có quyền hạn và nghĩa vụ sau đây: 1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty. 2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. 3. Thăm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thăm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông. 4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty. 5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 23 Điều lệ này. 6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 23 Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình và những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát theo quy định tại	Theo điều 165 Luật DN 2014
----	---------	---	--	-------------------------------

trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Sau thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày ra thông báo nêu trên, nếu người có hành vi vi phạm không chấm dứt vi phạm và không có giải pháp khắc phục hậu quả, Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trực tiếp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về vấn đề này.

5. Ban kiểm soát có quyền lựa chọn và đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

6. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông về các nội dung chính sau:

- Hoạt động của Ban kiểm soát;
- Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các quyết định của Ban kiểm soát;
- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;
- Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban giám đốc và các cán bộ quản lý;
- Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và cổ đông.

khỏa này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

7. Kiên nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 của Luật này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm soát nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.